

PHỤ LỤC 01

YÊU CẦU CHUNG VỀ DỊCH VỤ (PHẦN THUYỀN VIÊN VẬN HÀNH)

I. Yêu cầu về thuyền viên

- (a) Thuyền viên phải đáp ứng nhu cầu tối thiểu về “Chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên” theo các quy định như sau:
- Thông tư số 03/2020/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển.
 - Thông tư 23/2017/TT-BGTVT ngày 28/07/2017 quy định về chức danh, nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên và đăng ký thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam.
- (b) Ngoài ra, thuyền viên phải đáp ứng được các yêu cầu bổ sung như sau:
- Thuyền trưởng và Đại phó phải có 5 năm kinh nghiệm làm việc tại vị trí tương tự trên tàu lai dắt và/hoặc các loại tàu tương đương khác.
 - Máy trưởng và Máy hai phải có 5 năm kinh nghiệm làm việc tại vị trí tương tự trên các tàu biển.
 - Sỹ quan và Thủy thủ phải hoàn thành các khóa học trên bờ theo quy định tại Thông tư 03/2020/TT-BGTVT.
 - Thuyền trưởng và Đại phó phải giao tiếp bằng tiếng Anh chuyên ngành và có chứng chỉ Tiếng Anh.

II. Chức danh thuyền viên yêu cầu chào giá

STT	Vị trí	Số lượng yêu cầu	Đơn giá	Ghi chú
			Người-tháng (VNĐ)	
1.	Thuyền trưởng	Số lượng theo thực tế và được thông báo trước khi thực hiện Dịch vụ		Ngày công tiêu chuẩn 26 ngày/tháng
2.	Đại phó			
3.	Thủy thủ			
4.	Máy trưởng			
5.	Máy 2			
6.	Sỹ quan máy			
7.	Sỹ quan boong			
8.	Thợ máy			
9.	Sỹ quan điện			
10.	Thợ điện			

Điều kiện chào giá:

- **Số ngày công tiêu chuẩn/tháng đối với 1 thuyền viên:** 26 công/tháng. Thuyền viên tuân thủ theo quy định về thời gian nghỉ ngơi theo Luật Hàng Hải và Pháp Luật Việt Nam

- **Các đơn giá trên được chào theo tiền đồng và bao gồm các điều kiện sau:**

- Tiền lương, tiền ngoài giờ, lương phép.
- Chi phí ăn, ở trên tàu.
- Các trang thiết bị bảo hộ cá nhân.
- Chi phí huy động nhân sự đến Thanh Hóa (vé máy bay, phương tiện di chuyển và ăn ở)
- Chi phí giải tỏa nhân sự từ Thanh Hóa
- Bảo hiểm xã hội, Chi phí nghỉ ca.
- Công đoàn phí, Chi phí huấn luyện, chi phí quản lý.
- Tiền ăn ca, xăng, cước điện thoại, phụ cấp công tác phí, chi phí lưu trú.
- Bảo hiểm y tế, tai nạn, tử vong và thương tật cho nhân sự tại Việt Nam.
- Chi phí cho các chứng chỉ yêu cầu như chứng chỉ an toàn cơ bản và chứng nhận khả năng chuyên môn.
- Chi phí kiểm tra sức khỏe nhân sự tại bệnh viện hoặc các trung tâm y tế tại Việt Nam.
- Chi phí mua bảo hiểm PVI cho thuyền viên
- Chi phí trợ cấp các ngày lễ bao gồm: Tết Dương Lịch, Giỗ tổ Hùng Vương, Ngày lễ 30/4 và 1/5 và Ngày Quốc Khánh Việt Nam 2/9)
- Chi phí thưởng tháng lương thứ 13 cho thuyền viên.

- **Các đơn giá trên không bao gồm các điều kiện sau:**

- Thuế giá trị gia tăng (VAT).

III. Thông tin cơ bản về các tàu làm việc và Định biên tối thiểu

No	Rank	Đội tàu SPM					Đội tàu Harbour				
		SPM Tug boat (PTSC-09)	Line &hose handling boat (PTSC-11)	Speed Transfer Boat (PTSC-12)	Guard Vessel (PTSC-10)	SPM	Harbor Tugboat 1(PTSC-05)	Harbor Tugboat 2 (PTSC-06)	Big Line Vessel (PTSC-07)	Small Line Vessel(PTSC-08)	HABOUR
Main Engine (HP)		5000	2000	1430	2700		3200	3200	1600	800	
Gross Tonnage (GT)		490	180	38	470		265	265	105	70	

1	Captain	1	1	1	1	4	1	1	1	1	4
2	Chief Officer	1	1	0	1	3	1	1	1	1	4
3	Chief Engineer	1	1	1	1	4	1	1	1	1	4
4	Second Engineer	1	1	1	1	4	1	1	1	0	3
5	Engineer Officer	1	1	1	1	4	1	1	1	1	4
6	Able Seafarer Deck Rating	1	1	1	1	4	1	1	1	1	4
7	Able Seafarer Engine Rating	3	2	2	2	9	2	2	2	1	7
8	Electric Officer	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0
9	Electrician	0	1	1	1	3	1	1	1	0	3
	Total	10	9	8	9	36	9	9	9	6	33